

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán tài chính			
Mã học phần:	72ACCT30503	Số tin chỉ:	03	
Mã nhóm lớp học phần:	241_72ACCT30503_01			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận		Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có		☐ Không	

I. Lưu ý

SV chỉ được tham khảo tài liệu giấy và gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả, các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn.	Trắc nghiệm	20%	Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4	0,5 0,5 0,5 0,5	PLO1/PI 1.2
CLO2	Áp dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả, các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn.	Trắc nghiệm	10%	Câu 5 Câu 6	0,5 0,5	PLO1/PI 1.2
CLO3	Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả,	Tự luận	60%	Phần tự luận	6,0	PLO1/PI 1.2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn một cách chính xác					
CLO5	Thể hiện sự tuân thủ quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam khi giải quyết các tình huống nêu ra trong học phần.	Trắc nghiệm	10%	Câu 7 Câu 8	0,5 0,5	PLO9/PI 9.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) bao gồm 8 câu, mỗi câu 0.5 điểm

Câu 1 (random 1 trong 2)

Câu 1a-CLO1[lần 1]:

Công ty X chuyển khoản mua 100 tờ trái phiếu kỳ hạn 12 tháng (mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn) do Kho bạc Nhà nước phát hành với giá phát hành bằng mệnh giá là 1.000.000đ/tờ, lãi suất 9%/năm, thu lãi một lần ngay khi mua, kế toán ghi:

A. Nợ TK 1282 100.000.000 Có TK 1121 91.000.000 Có TK 3387 9.000.000	B. Nợ TK 1282 100.000.000 Có TK 1121 91.000.000 Có TK 515 9.000.000
C. Nợ TK 1212 100.000.000 Có TK 1121 91.000.000 Có TK 3387 9.000.000	D. Nợ TK 1212 100.000.000 Có TK 1121 91.000.000 Có TK 515 9.000.000

ANSWER: A

Câu 1b-CLO1[lần 1]:

Công ty X chuyển khoản mua 100 tờ trái phiếu kỳ hạn 12 tháng (mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn) do Kho bạc Nhà nước phát hành với giá phát hành bằng mệnh giá là 1.000.000đ/tờ, lãi suất 10%/năm, thu lãi một lần ngay khi mua, kế toán ghi:

A. Nợ TK 1282 100.000.000 Có TK 1121 90.000.000 Có TK 3387 10.000.000	B. Nợ TK 1282 100.000.000 Có TK 1121 90.000.000 Có TK 515 10.000.000
C. Nợ TK 1212 100.000.000 Có TK 1121 90.000.000 Có TK 3387 10.000.000	D. Nợ TK 1212 100.000.000 Có TK 1121 90.000.000 Có TK 515 10.000.000

ANSWER: A

Câu 2 (random 1 trong 2)

Câu 2a-CLO1/lần 1/

Chuyển khoản thanh toán mua bảo hiểm y tế cho nhân viên kế toán, kế toán ghi:

A. Nợ 338/Có 112

B. Nợ 334/Có 338

C. Nợ 811/Có 112

D. Nợ 642/Có 112

ANSWER: A

Câu 2b-CLO1/lần 1/

Nhân viên sử dụng tiền công ty đã tạm ứng để thanh toán mua bảo hiểm y tế cho nhân viên kế toán, kế toán ghi:

A. Nợ 338/Có 141

B. Nợ 334/Có 338

C. Nợ 811/Có 141

D. Nợ 642/Có 141

ANSWER: A

Câu 3 (random 1 trong 2)

Câu 3a-CLO1/lần 1/

Ngày 10/6/N, phòng Kế toán báo hỏng máy lạnh đang sử dụng không thể sửa chữa, có trị giá 12.000.000 đồng, thời gian phân bổ 24 tháng bắt đầu từ tháng 01/N-1, máy lạnh hỏng nhập kho phế liệu ước tính trị giá 500.000 đồng. Giá trị còn lại hạch toán vào chi phí Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 642 3.000.000 Nợ TK 152 500.000 Có TK 242 3.500.000	B. Nợ TK 641 3.000.000 Nợ TK 152 500.000 Có TK 242 3.500.000
C. Nợ TK 642 11.500.000 Nợ TK 152 500.000 Có TK 153 12.000.000	D. Nợ TK 641 3.000.000 Nợ TK 152 500.000 Có TK 153 3.500.000

ANSWER: A**Câu 3b-CLO1[lần 1]**

Ngày 10/4/N, phòng Kinh doanh báo hỏng máy lạnh đang sử dụng không thể sửa chữa, có trị giá 12.000.000 đồng, thời gian phân bổ 24 tháng bắt đầu từ tháng 01/N-1, máy lạnh hỏng nhập kho phế liệu ước tính trị giá 500.000 đồng. Giá trị còn lại hạch toán vào chi phí Kế toán tiền hành ghi sổ:

A. Nợ TK 641 4.000.000 Nợ TK 152 500.000 Có TK 242 4.500.000	B. Nợ TK 642 4.000.000 Nợ TK 152 500.000 Có TK 242 4.500.000
C. Nợ TK 642 11.500.000 Nợ TK 152 500.000 Có TK 153 12.000.000	D. Nợ TK 641 4.000.000 Nợ TK 152 500.000 Có TK 153 4.500.000

ANSWER: A**Câu 4 (random 1 trong 2)****Câu 4a-CLO1[lần 1]**

Công ty X áp dụng kỳ kế toán năm. Ngày 31/12/N, công ty phát hành 2.000 tờ trái phiếu thu ngay bằng tiền mặt, giá phát hành 120.000 đ/trái phiếu, mệnh giá 100.000 đ/trái phiếu (phục vụ cho việc xây dựng nhà xưởng) kỳ hạn 4 năm, lãi suất 7%/năm trả sau 1 năm 1 lần vào ngày 31/12. Ngày 31/12/N, công ty ghi nhận như sau:

A. Nợ TK 111 240.000.000 Có TK 34313 40.000.000 Có TK 34311 200.000.000	B. Nợ TK 111 240.000.000 Có TK 34311 240.000.000
C. Nợ TK 111 240.000.000 Có TK 34312 40.000.000	D. Nợ TK 111 200.000.000 Nợ TK 34312 40.000.000

Có TK 34311 200.000.000	Có TK 34313 240.000.000
----------------------------	------------------------------

ANSWER: A**Câu 4b-CLO1[lần 1]**

Công ty X áp dụng kỳ kế toán năm. Ngày 31/12/N, công ty phát hành 2.000 tờ trái phiếu thu ngay bằng tiền mặt, giá phát hành 130.000 đ/trái phiếu, mệnh giá 100.000 đ/trái phiếu (phục vụ cho việc xây dựng nhà xưởng) kỳ hạn 4 năm, lãi suất 7%/năm trả định kỳ hàng năm vào ngày 31/12. Ngày 31/12/N, công ty ghi nhận như sau:

A. Nợ TK 111 260.000.000 Có TK 34313 60.000.000 Có TK 34311 200.000.000	B. Nợ TK 111 260.000.000 Có TK 34311 260.000.000
C. Nợ TK 111 260.000.000 Có TK 34312 60.000.000 Có TK 34311 200.000.000	D. Nợ TK 111 200.000.000 Nợ TK 34312 60.000.000 Có TK 34313 260.000.000

ANSWER: A**Câu 5 (random 1 trong 2)****Câu 5a-CLO2[lần 1]**

Khi giá trị hàng tồn kho đầu kỳ bị tính sai, điều này sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu nào trong báo cáo tài chính. Biết trong kỳ chỉ có xuất bán hàng tồn kho.

- A.** Tài sản ngắn hạn, Vốn chủ sở hữu, Giá vốn hàng bán
- B.** Tài sản ngắn hạn, Nợ phải trả, Giá vốn hàng bán
- C.** Giá vốn hàng bán
- D.** Tài sản ngắn hạn

ANSWER: A**Câu 5b-CLO2[lần 1]**

Khi giá trị hàng tồn kho đầu kỳ bị tính sai, điều này sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu nào trong báo cáo tài chính. Biết trong kỳ không có xuất bán hàng tồn kho.

- A.** Tài sản ngắn hạn
- B.** Tài sản ngắn hạn, Nợ phải trả, Giá vốn hàng bán

C. Vốn chủ sở hữu

D. Tài sản ngắn hạn, Vốn chủ sở hữu, Giá vốn hàng bán

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 2)

Câu 6a-CLO2[lần 1]

Tại ngày 01/12/N, số dư các khoản mục hàng tồn kho:

- TK 153: 10.000.000 đồng;

- TK 155A: 100.000.000 đồng;

Tại ngày 31/12/N, do một số mặt hàng A bị ảm mốc, kế toán quyết định trích lập dự phòng tổn thất mặt hàng này là 15.000.000đ. Hỏi kế toán trình bày số liệu trên vào Bảng cân đối kế toán cuối năm N như thế nào.

A. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 110.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (15.000.000)

B. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 110.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi dương là 15.000.000

C. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 100.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (10.000.000)

D. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 100.000.000.

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2[lần 1]

Tại ngày 01/12/N, số dư các khoản mục hàng tồn kho:

- TK 153: 10.000.000 đồng;

- TK 155A: 110.000.000 đồng;

Tại ngày 31/12/N, công ty xuất kho gửi đại lý bán thành phẩm A, giá xuất kho là 40.000.000đ. Do một số mặt hàng A bị ảm mốc, kế toán quyết định trích lập dự phòng tổn thất mặt hàng này là 15.000.000đ. Hỏi kế toán trình bày số liệu trên vào Bảng cân đối kế toán cuối năm N như thế nào.

A. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 120.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi âm là (15.000.000)

B. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 80.000.000 và chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”, mã số 149, số tiền ghi dương là 15.000.000

C. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 65.000.000

D. Chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, mã số 141, số tiền ghi dương là 105.000.000.

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 2)***Câu 7a-CLO5[lần 1]***

Mua nhập kho 5 tấn nguyên vật liệu với trị giá mua chưa thuế là 125.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 8%. Chi phí vận chuyển và bốc xếp về kho là 1.350.000đ (đã bao gồm 8% thuế suất thuế GTGT). Theo nguyên tắc giá gốc, hãy xác định đơn giá nhập kho biết số lượng nhập kho đủ và thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

- A. 25.250đ/kg
- B. 25.000đ/kg
- C. 27.000đ/kg
- D. 27.270đ/kg

ANSWER: A

Câu 7b-CLO5[lần 1]

Mua nhập kho 5 tấn nguyên vật liệu với trị giá mua chưa thuế là 125.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 8%. Chi phí vận chuyển và bốc xếp về kho là 1.350.000đ (đã bao gồm 8% thuế suất thuế GTGT). Theo nguyên tắc giá gốc, hãy xác định đơn giá nhập kho biết số lượng nhập kho đủ và thuế GTGT đầu vào KHÔNG được khấu trừ.

- A. 27.270đ/kg
- B. 25.000đ/kg
- C. 27.000đ/kg
- D. 25.250đ/kg

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 2)***Câu 8a-CLO5[lần 1]***

Doanh nghiệp nâng cấp tài sản cố định là dây chuyền sản xuất làm tăng công suất của tài sản này nhanh hơn 20% so với công suất mua ban đầu, toàn bộ chi phí nâng được kế toán ghi:

- A. Tăng vào nguyên giá của tài khoản tài sản cố định hữu hình - Dây chuyền sản xuất
- B. Tăng vào tài khoản công cụ dụng cụ - Dây chuyền sản xuất
- C. Tăng vào tài khoản chi phí trả trước - Dây chuyền sản xuất.
- D. Tăng vào tài khoản chi phí sản xuất chung.

ANSWER: A

Câu 8b-CLO5[lần 1]

Doanh nghiệp phục hồi tài sản cố định là dây chuyền sản xuất trở về 90% công suất ban đầu, toàn bộ chi phí nâng được kế toán ghi:

- A. Tăng vào tài khoản chi phí sản xuất chung.
 B. Tăng vào tài khoản công cụ dụng cụ - Dây chuyền sản xuất
 C. Tăng vào tài khoản chi phí trả trước - Dây chuyền sản xuất.
 D. Tăng vào nguyên giá của tài khoản tài sản cố định hữu hình - Dây chuyền sản xuất

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN (6.0 điểm)

PHẦN TƯ LUẬN (6.0 điểm)

Công ty cổ phần T&T được thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 1/1/N-5, chuyên kinh doanh trong lĩnh vực thương mại nội thất cao cấp. Một số thông tin về chính sách kế toán tại công ty:

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Số dư của một số khoản mục kế toán tại ngày 31/12/N-1:

<i>Tài khoản</i>	<i>Số dư (đồng)</i>	<i>Thông tin chi tiết</i>
TK 156SF	360.000.000	30 bộ bàn sofa
TK 153	12.000.000	2 máy khoan
TK 1211A	250.000.000	10.000 cổ phiếu do công ty A phát hành
<i>Các tài khoản khác có số dư hợp lý.</i>		

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 01/N sau:

1.a.1. Ngày 2, xuất kho 3 bộ bàn ghế giao bán cho nhà khách An An. Giá bán chưa thuế là 25.000.000đ/bộ, thuế suất thuế GTGT 8% chưa thu tiền. Chi phí vận chuyển bốc xếp hàng giao cho khách là 1.080.000đ đã gồm 8% thuế suất thuế GTGT, thanh toán bằng tiền mặt.

(1,5 điểm)

1.a.2. Ngày 4, công ty phát hành 350.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000đ/cp, giá phát hành 12.500đ/cp, chi phí giao dịch phải trả 0,2% tổng trị giá chứng khoán giao dịch, tất cả thanh toán bằng chuyển khoản, công ty đã nhận được giấy báo của ngân hàng. **(1,0 điểm)**

1.a.3. Ngày 5, khách hàng An An chuyển khoản thanh toán nợ sớm với số tiền sau khi trừ đi

khoản được chiết khấu 2% trên tổng số tiền còn nợ công ty. Công ty đã nhận giấy báo Có từ ngân hàng. **(0,5 điểm)**

1.a.4. Ngày 14, công ty nhượng bán laptop đang sử dụng tại phòng hành chính với giá bán chưa thuế 16.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 8%, thu đủ bằng tiền mặt. Biết tài sản trên có nguyên giá 40.000.000đ, thời gian sử dụng ước tính 5 năm, hao mòn lũy kế tính đến thời điểm nhượng bán 25.000.000đ. Chi phí cài đặt quét virus và vệ sinh máy tính trước khi bán là 324.000đ đã gồm 8% thuế suất thuế GTGT, thanh toán bằng tiền tạm ứng. **(1,5 điểm)**

1.a.5. Ngày 15, xuất kho 1 máy khoan loại phân bổ 1 lần phục vụ cho công tác bán hàng **(0,5 điểm)**

1.a.6. Ngày 20, công ty xuất bán 2500 cổ phiếu A bán với giá 30.000đ/cổ phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí môi giới bán cổ phiếu là 450.000đ thanh toán bằng tiền mặt. **(1,0 điểm)**

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
Câu 1	A	0.5	
Câu 2	A	0.5	
Câu 3	A	0.5	
Câu 4	A	0.5	
Câu 5	A	0.5	
Câu 6	A	0.5	
Câu 7	A	0.5	
Câu 8	A	0.5	
II. Tự luận bài TL1		6.0	
(1)	+ Giá vốn (0,5 điểm) Nợ TK 632 36.000.000 Có TK 156SF 36.000.000 (a) (a): $360.000.000/30 * 3$	0.5	
	+ Doanh thu (0,5 điểm) Nợ TK 131_AnAn 81.000.000 Có TK 511 75.000.000 (a) Có TK 33311 6.000.000 (b) (a): $25.000.000 * 3$ (b): $75.000.000 * 8\%$	0.5	
	+ Chi phí vận chuyển hàng bán (0,5 điểm) Nợ TK 641 1.000.000 (a) Nợ TK 133 80.000 (b) Có TK 111 1.080.000 (a) $1.080.000/(1+8\%)$ (b) $1.000.000 * 8\%$	0.5	
(2)	+ Phát hành cổ phiếu thu bằng TGNH (0,5 điểm) Nợ TK 112 4.375.000.000 (a) Có TK 41111. 3.500.000.000 (b) Có TK 4112 875.000.000 (a) $(350.000 \text{ CP} \times 12.500\text{đ}/\text{Cp})$	0.5	

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
	(b) (350.000 CP x 10.000đ/Cp) (c) (350.000 CP x 2.500đ/Cp)		
	+ Chi phí phát hành (0,5 điểm) Nợ TK 4112 8.750.000 (a) Có TK 1121 8.750.000 (a) (0,2% x 350.000cp x 12.500đ/cp)	0.5	
(3)	Khách hàng thanh toán nợ Nợ 112 79.380.000 Nợ 635 1.620.000 (a) Có 131AnAn 81.000.000 (a) 81.000.000 *2%	0.5	
(4)	Khoản thu nhượng bán Nợ 111: 17.280.000 Có 711: 16.000.000 Có 33311: 1.280.000 (a) (a): 16.000.000 * 8%	0,5	
	Xoá sổ tài sản cố định Nợ 811: 15.000.000 Nợ 214 25.000.000 Có 211 40.000.000	0.5	
	CP thanh lý Nợ 811 300.000 Nợ 133 24.000 Có 111 324.000	0.5	
(5)	Xuất kho máy khoan loại phân bổ 1 lần Nợ 641 6.000.000 Có 153 6.000.000 (a) (a) 12.000.000/2	0.5	
(6)	+ Xuất bán cổ phiếu Nợ TK 112 75.000.000 Có TK 1211 62.500.000 (a) Có TK 515 12.500.00 (b)	0,5	

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
	(a): $250.000.000/10.000 \times 2.500$ (b) $75.000.000 - 62.500.000$		
	+ Chi phí môi giới Nợ TK 635 450.000 Có TK 111 450.000	0,5	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân



Lê Ngọc Anh